

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 27/02/2024

V/v Chia tài sản chung của
vợ chồng sau khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ái Đoan**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Ông Trần Văn Đạt

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*
Bà **Bùi Thị Thanh Bạch** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 và ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “Chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn”

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 150/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Mai Văn Đ, sinh năm 1975. (Có mặt).

Địa chỉ: tổ E, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Tuyết M, sinh năm 1974. (Có mặt).

Địa chỉ: tổ E, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Mai Công K, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

2. Chị Mai Thị Xuân P, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

3. Anh Mai Hoàng H, sinh năm 2001 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: tổ E, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn **Đỗ Thị Tuyết M**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, ông Mai Văn Đ trình bày: Ông với bà Đỗ Thị Tuyết M là vợ chồng, đã được Tòa án cho ly hôn tại Quyết định số 288/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nhưng chưa phân chia tài sản chung của vợ chồng. Tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân gồm có:

- + 01 đàn nhạc;
- + 01 đàn máy may;
- + 01 Xe đạp điện;
- + 01 Xe Honda Winerx biển số 63P1 – 486.60;
- + 02 máy bơm nước (Máy dầu hiệu Yanma);
- + 01 dàn cày;
- + 01 võ lãi;
- + 01 dây hụi bà M đã hốt 180.000.000 đồng;

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản như sau:

- + Đàn nhạc (Bà M đã bán 40.000.000 đồng): chia lại cho ông 13.000.000 đồng;
- + Đàn máy may (Bà M đã bán 4.000.000đ): chia lại cho ông 2.000.000đ;
- + Xe đạp điện trị giá 3.000.000 đồng: Bà M tiếp tục quản lý sử dụng, chia lại cho ông 1.500.000 đồng;
- + Xe Honda Winerx biển số 63P1 – 486.60 trị giá 20.000.000 đồng: Giao lại cho bà M quản lý, sử dụng. Bà M chia lại cho ông 10.000.000 đồng;
- + 02 máy bơm nước (Máy dầu hiệu Yanma) trị giá 10.000.000đ. Ông quản lý sử dụng và chia lại cho bà M 5.000.000 đồng;
- + 01 dàn cày trị giá 5.000.000 đồng. Ông quản lý sử dụng và chia lại cho bà M 2.500.000 đồng;
- + 01 võ lãi trị giá 4.000.000 đồng (Ông đã bán): chia lại cho bà M 2.000.000 ồng.
- + 01 dây hụi bà M đã hốt 180.000.000 đồng, chia lại cho ông 90.000.000 đồng.

Bị đơn bà Đỗ Thị Tuyết M trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Đ về các tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và đồng ý chia tài sản chung với ông Đ như sau:

+ Đàn nhạc (Bà đã bán 40.000.000 đồng): chia lại cho ông Đ 13.000.000 đồng;

+ Đàn máy may (Bà đã bán 4.000.000 đồng): chia lại cho ông Đ 2.000.000 đồng;

+ Xe đạp điện trị giá 3.000.000 đồng, bà tiếp tục quản lý sử dụng, chia lại cho ông Đ 1.500.000 đồng;

+ Xe Honda Winerox biển số 63P1 – 486.60 trị giá 20.000.000 đồng: Giao lại cho bà quản lý, sử dụng. Bà chia lại cho ông Đ 10.000.000 đồng;

+ 02 máy bơm nước (Máy dầu hiệu Yanma) trị giá 10.000.000 đồng. Ông Đ quản lý sử dụng và chia lại cho bà 5.000.000 đồng;

+ 01 dàn cày trị giá 5.000.000 đồng. Ông Đ quản lý sử dụng và chia lại cho bà 2.500.000 đồng;

+ 01 võ lãi trị giá 4.000.000 đồng (Ông Đ đã bán): chia lại cho bà 2.000.000 đồng.

Riêng đối với 01 dây hụi mà bà đã hốt được 157.000.000 đồng, bà không đồng ý chia vì dây hụi này bà với chủ hụi và con của bà là anh Mai Công K đã đổi hụi với nhau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh M công K trình bày:* Về việc chia tài sản chung giữa cha – mẹ anh, anh thống nhất không ý kiến. Về phần hụi mẹ anh hốt là của anh thỏa thuận với chủ hụi mượn để hốt, vì anh còn chơi 03 phần hụi khác của chủ hụi nữa, anh đề nghị phải có mặt chủ hụi để giải quyết. Chủ hụi tên Mai Thị Đ1 (hiện không biết năm sinh địa chỉ ở đâu).

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 150/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn Đ.

- Chia cho ông Mai Văn Đ các tài sản chung gồm:

+ 02 máy bơm nước (Máy dầu hiệu Y), hiện ông Đ đang quản lý, sử dụng;

+ 01 dàn cày, hiện ông Đ đang quản lý sử dụng;

- Chia cho bà Đỗ Thị Tuyết M các tài sản, gồm:

+ Xe đạp điện, hiện bà M quản lý, sử dụng;

+ Xe Honda Winerx biển số 63P1 – 486.60.

- Buộc bà Đỗ Thị Tuyết M có trách nhiệm giao lại cho ông Mai Văn Đ số tiền 61.500.000 đồng (Tương đương ½ giá trị tài sản chung)

- Buộc ông Mai Văn Đ có trách nhiệm giao lại cho bà Đỗ Thị Tuyết M Xe Honda Winerx biển số 63P1 – 486.60 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/9/2023 bị đơn Đỗ Thị Tuyết M có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 150/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của ông Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà M thay đổi yêu cầu kháng cáo như sau: Bà M không đồng ý nhận xe Honda Winerx biển số 63P1 – 486.60, bà yêu cầu ông Đ nhận xe và trả lại cho bà giá trị xe là 10.000.000 đồng, về tiền hụi 157.000.000 đồng bà không đồng ý chia cho ông Đ vì bà đã đổi hụi với anh K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ đồng ý nhận xe Honda Winerx biển số 63P1 – 486.60 và trả lại giá trị xe cho bà M 10.000.000 đồng. Đối với tiền 61.500.000 đồng trong quyết định của bản án sơ thẩm tuyên theo ông Đ là tiền hụi và ông đồng ý đối với số tiền hụi được chia này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M và ông Đ thống nhất các tài sản còn lại như sau: Bà M chia cho ông Đ giá trị các tài sản dàn nhạc 13.000.000 đồng, máy may 2.000.000 đồng, xe đạp điện 1.500.000 đồng, tổng cộng 16.500.000 đồng. Ông Đ chia cho bà M giá trị các tài sản như sau: 2 máy bơm 5.000.000 đồng, 1 dàn cày 2.500.000 đồng, 1 vỏ lãi 2.000.000 đồng, giá trị xe Honda Winerx biển số 63P1 – 486.60 là 10.000.000 đồng, tổng cộng 19.500.000 đồng, như vậy số tiền giá trị tài sản ông Đ nhận cao hơn bà M 3.000.000 đồng, ông Đ phải có nghĩa vụ chia lại cho bà M 1.500.000 đồng nhưng ông Đ đồng ý chia lại cho bà M 3.000.000 đồng và yêu cầu trừ vào tiền hụi mà bà M có nghĩa vụ chia cho ông. Số tiền giá trị các loại tài sản này hai bên chưa thực hiện nghĩa vụ chia tài sản cho nhau và hai bên sẽ cần trừ nghĩa vụ cho nhau.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án và xét yêu cầu kháng cáo của bà M: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà M và ông Đ đối với tài sản chung là chiếc xe và cần trừ nghĩa vụ tài sản cho nhau. Đối với phần tài sản còn lại là dây hụi đã hốt được 157.000.000 đồng bà M không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh do đó không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà M, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn*” là đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm của bà Đỗ Thị Tuyết M nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Đ kiện bà M yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Tài sản ông Đ và bà M đã thống nhất tại cấp sơ thẩm như sau:

+ Dàn nhạc (Bà đã bán 40.000.000 đồng): chia lại cho ông Đ 13.000.000 đồng;

+ Dàn máy may (Bà đã bán 4.000.000 đồng): chia lại cho ông Đ 2.000.000 đồng;

+ Xe đạp điện trị giá 3.000.000 đồng, bà tiếp tục quản lý sử dụng, chia lại cho ông Đ 1.500.000 đồng;

+ Xe Honda Winerx biển số 63P1 – 486.60 trị giá 20.000.000đ: Giao lại cho bà quản lý, sử dụng. Bà chia lại cho ông Đ 10.000.000 đồng;

+ 02 máy bơm nước (Máy dầu hiệu Yanma) trị giá 10.000.000 đồng. Ông Đ quản lý sử dụng và chia lại cho bà 5.000.000 đồng;

+ 01 dàn cày trị giá 5.000.000 đồng. Ông Đ quản lý sử dụng và chia lại cho bà 2.500.000 đồng;

+ 01 võ lãi trị giá 4.000.000 đồng (Ông Đ đã bán): chia lại cho bà 2.000.000 đồng.

Đối với phần hụi, ông Đ trình bày số tiền đã hốt được 180.000.000 đồng nhưng ông Đ không có chứng cứ gì để chứng minh. Phía bà M chỉ thừa nhận số tiền hụi đã hốt được là 157.000.000 đồng nhưng bà cho con trai là Mai Công K mượn, vợ chồng bà có mượn lại một số. Sau đó, bà M thay đổi lời khai là đã đổi hụi với anh Mai Công K. Ông Đ trình bày không biết gì về việc bà M hốt hụi hay đổi hụi với anh K, ông Đ yêu cầu phải chia đôi số tiền hụi.

Tòa sơ thẩm xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn Đ.

- Chia cho ông Mai Văn Đ các tài sản chung gồm:

+ 02 máy bơm nước (Máy dầu hiệu Y), hiện ông Đ đang quản lý, sử dụng;

+ 01 dàn cày, hiện ông Đ đang quản lý sử dụng;

- Chia cho bà Đỗ Thị Tuyết M các tài sản, gồm:

+ Xe đạp điện, hiện bà M quản lý, sử dụng;

+ Xe Honda Winerx biển số 63P1 – 486.60.

- Buộc bà Đỗ Thị Tuyết M có trách nhiệm giao lại cho ông Mai Văn Đ số tiền 61.500.000đ (Tương đương ½ giá trị tài sản chung)

- Buộc ông Mai Văn Đ có trách nhiệm giao lại cho bà Đỗ Thị Tuyết M Xe Honda Winerx biển số 63P1 – 486.60 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe.

[3] Bà M không đồng ý nên có đơn kháng cáo, tại tòa phúc thẩm bà M xác định chỉ kháng cáo đối với phần chiếc xe Honda Winerx biển số 63P1 – 486.60 thì giao cho ông Đ và ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 10.000.000 đồng và phần hụi đã hốt được 157.000.000 đồng thì bà không đồng ý chia cho ông Đ vì đã đổi hụi với anh K.

[4] Tại tòa phúc thẩm bà M và ông Đ thống nhất như sau:

Bà M chia cho ông Đ giá trị các tài sản dàn nhạc 13.000.000 đồng, máy may 2.000.000 đồng, xe đạp điện 1.500.000 đồng, tổng cộng 16.500.000 đồng. Ông Đ sẽ sở hữu các tài sản và chia lại giá trị các tài sản này lại cho bà M như sau: 2 máy bơm 5.000.000 đồng, 1 dàn cày 2.500.000 đồng, 1 võ lãi 2.000.000 đồng, giá trị xe Honda Winerx biển số 63P1 – 486.60 là 10.000.000 đồng, tổng cộng 19.500.000 đồng. Số tiền giá trị các loại tài sản này hai bên chưa thực hiện nghĩa vụ chia tài sản cho nhau và hai bên sẽ cản trở nghĩa vụ cho nhau. Các giá trị tài sản này ông Đ nhận cao hơn bà M là 3.000.000 đồng lẽ ra ông Đ phải có nghĩa vụ chia cho bà M 1.500.000 đồng nhưng ông Đ đồng ý chia cho bà M

3.000.000 đồng . Sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Đối với số tiền hụi 157.000.000 đồng là tài sản chung của ông Đ và bà M. Bà M cho rằng bà cho anh K mượn hay đổi hụi với anh K nên không đồng ý chia tiền cho ông Đ nhưng bà M không cung cấp được chứng cứ là có sự thống nhất của ông Đ nên bà M phải có nghĩa vụ chia lại $\frac{1}{2}$ cho ông Đ.

Tuy nhiên, tại tòa phúc thẩm ông Đ trình bày Tòa sơ thẩm chỉ buộc bà M chia cho ông số tiền hụi 61.500.000 đồng vì đã trừ bốn phần hụi chết mà bà M phải có nghĩa vụ đóng lại cho chủ hụi, lời trình bày này của ông Đ là có cơ sở nên được chấp nhận. Ông Đ đồng ý số tiền 3.000.000 đồng mà ông có nghĩa vụ chia cho bà M ở phần nhận định trên trừ vào số tiền hụi 61.500.000 đồng mà bà M có nghĩa vụ chia cho ông, như vậy bà M có nghĩa vụ chia cho ông Đ số tiền là 58.500.000 đồng.

[6] Bà M và ông Đ thỏa thuận được phần tài sản chung nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà M về việc chia tài sản chung về các tài sản hai bên đã thỏa thuận nêu trên. Đối với tiền hụi bà M kháng cáo không đồng ý chia tiền hụi cho ông Đ nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận.

[7] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của ông Đ và bà M như sau: Chia cho ông Mai Văn Đ các tài sản chung gồm: 02 máy bơm nước (Máy dầu hiệu Y), hiện ông Đ đang quản lý, sử dụng; 01 dàn cày; Xe Honda Winerx biển số 63P1 – 486.60, hiện ông Đ đang quản lý sử dụng; Chia cho bà Đỗ Thị Tuyết M tài sản chung là: Xe đạp điện, hiện bà M quản lý, sử dụng; Buộc bà Đỗ Thị Tuyết M có trách nhiệm giao lại cho ông Mai Văn Đ số tiền 58.500.000đồng. Do đó Hội đồng xét xử sửa một phần án sơ thẩm.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí chia tài sản chung: Tòa sơ thẩm chỉ tính án phí đối với số tiền hụi là chưa đúng nên sẽ được sửa lại. Các tài sản mà ông Đ và bà M tranh chấp và được chia cho mỗi bên có tổng giá trị là 77.500.000 đồng nên ông Đ và bà M mỗi người phải chịu án phí là 3.875.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị Tuyết M.

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 150/2023/HNGĐ – ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Đ và bà M:

- Chia cho ông Mai Văn Đ các tài sản chung gồm:

+ 02 máy bơm nước (Máy dầu hiệu Y), hiện ông Đ đang quản lý, sử dụng;

+ 01 dàn cày,

+ Xe Honda Winerox biển số 63P1 – 486.60, hiện ông Đ đang quản lý sử dụng;

- Chia cho bà Đỗ Thị Tuyết M tài sản chung là:

+ Xe đạp điện, hiện bà M quản lý, sử dụng;

2. Buộc bà Đỗ Thị Tuyết M có trách nhiệm giao lại cho ông Mai Văn Đ số tiền 58.500.000 đồng.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Mai Văn Đ phải chịu 3.875.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 1.825.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017734 ngày 22/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên còn phải nộp tiếp 2.050.000 đồng.

Bà M phải chịu 3.875.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0017954 ngày 18/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên còn phải nộp tiếp số tiền là 3.575.000 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ái Doan